

THỜI KHÓA BIỂU TRÁI BUỔI NĂM HỌC 2020 - 2021

THỨ	CA	SÁNG							CHIỀU						
		TCTA	PHÒNG VT1	PHÒNG VT2	TD 7		TD8		TCTA	PHÒNG VT1	PHÒNG VT2	TD 6		TD 9	
HAI	1	7A1	7A6 (Huy)	8A6 (Thịnh)	7A2 (Nam)	7A11 (Tý)			6A1		6A2 (Thịnh)	6A9 (Khai)		9A11 (Hường)	9A3 (Nam)
	2	7A2	7A1 (Huy)	7A11 (Hà)		7A6 (Tý)	8A6 (Nam)		6A2		6A9 (Thịnh)	6A1 (Khai)			9A4 (Nam)
BA	1	8A2	7A4 (Huy)	8A1 (Thịnh)		7A7 (Tý)	8A4 (Cương)		9A1		6A5 (Thịnh)		6A6 (Khai)		9A5 (Hường)
	2	8A1	7A7 (Huy)	8A4 (Thịnh)		7A4 (Tý)	8A2 (Cương)		9A2		6A6 (Thịnh)		6A5 (Khai)		9A6 (Hường)
TU	1	7A3	7A8 (Hà)	8A5 (Thơm)		7A1 (Tý)	8A8 (Cương)		6A2	6A7 (Thơm)		6A3 (Khai)	6A8 (Thành)		9A7 (Hường)
	2	7A1	7A3 (Hà)	8A8 (Thơm)		7A8 (Tý)	8A5 (Cương)		6A3	6A8 (Thơm)		6A2 (Khai)	6A7 (Thành)		9A8 (Hường)
NĂM	1	8A3	8A11 (Hà)	8A13 (Thơm)			8A1 (Cương)	8A12 (Nam)	6A3	6A11 (Thơm)	6A1 (Thịnh)	6A10 (Thành)			9A9 (Nam)
	2	8A1	8A12 (Hà)	8A3 (Huy)			8A11 (Cương)	8A13 (Nam)	6A1	6A3 (Thơm)	6A10 (Thịnh)	6A11 (Thành)			9A10 (Nam)
SÁU	1	7A3	7A9 (Huy)	7A2 (Hà)	7A5 (Khai)	7A10 (Tý)			9A2	6A4 (Thơm)		6A12 (Thành)			9A1 (Hường)
	2	7A2	7A10 (Huy)	7A5 (Hà)	7A3 (Khai)	7A9 (Tý)			9A1	6A12 (Thơm)		6A4 (Thành)			9A2 (Hường)
BẢY	1	8A3	8A9 (Huy)	8A2 (Hà)			8A7 (Cương)	8A10 (Thành)							
	2	8A2	8A10 (Huy)	8A7 (Hà)			8A3 (Cương)	8A9 (Thành)							